

## VISITOR VISA GENERAL HƯỚNG DẪN XIN THỊ THỰC DU LỊCH

Information on who requires a visa to visit New Zealand can be found here: [Visiting New Zealand](#)  
Thông tin về đối tượng phải xin visa vào New Zealand, vui lòng truy cập [Visiting New Zealand](#)

Immigration New Zealand reserves the right to request additional information in the course of assessing an application and to retain information and documents on file.

Sở Di Trú New Zealand có thể yêu cầu bổ túc thêm thông tin trong quá trình đánh giá hồ sơ và lưu giữ những thông tin và giấy tờ này.

If you provide false or misleading information your application may be declined.  
Nếu quý vị cung cấp thông tin sai lệch, hồ sơ của quý vị có thể bị từ chối.

Who can be included in an application?  
Những ai có thể xin thị thực trong một bộ hồ sơ:

- An individual / Một cá nhân
- A couple / Vợ chồng cùng đi
- **A couple and dependent children under 20 applying at the same time for the same duration can apply together on one application form. Cha mẹ đi cùng con cái phụ thuộc, con phải dưới 20 tuổi, tất cả đương đơn nộp đơn cùng lúc, điền chung 1 đơn xin visa.**

***You do not have to provide original documents when you lodge your application, but if you choose to, please provide a certified copy along with the original.***  
***Quý vị không cần nộp giấy tờ gốc. Tuy nhiên nếu quý vị muốn nộp, vui lòng kèm theo bản sao có công chứng.***

***If you choose to only provide copies of your original documents, all copies must be certified.***  
***Nếu quý vị chỉ muốn nộp bản sao của các giấy tờ, vui lòng nộp các bản sao đã được sao y bản chính bởi chính quyền địa phương.***

***All documents not in English must be accompanied with an English translation from an independent and recognised translation company/service.***

***Tất cả giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc các thứ tiếng khác phải nộp kèm bản dịch tiếng Anh, và bản dịch này phải được thực hiện bởi một công ty/ tổ chức độc lập có thẩm quyền dịch thuật.***

<b>FORM AND FEE ĐƠN VÀ LỆ PHÍ</b>	<b>Applicant check Đương đơn đánh dấu</b>	<b>VAC check</b>	<b>INZ check</b>
<a href="#">Visitor Visa Application Form INZ 1017 (Original)</a> <a href="#">Bản gốc mẫu đơn xin Thị thực Visitor INZ1017</a>			
Application fee: More information about fees can be found on the <a href="#">office and fees finder</a> . Lệ phí xét hồ sơ: Thông tin về lệ phí có thể tìm thấy ở mục <a href="#">office and fees finder</a> .  If paying by cash deposit or bank transfer you must provide evidence that this payment has been made. Nếu quý vị nộp tiền mặt vào tài khoản của chúng tôi hoặc chuyển khoản, vui lòng nộp bằng chứng thanh toán.  If you include your spouse and/or dependent children in your application, you are required to pay one application fee only. Nếu hồ sơ của quý vị kèm theo vợ/chồng và con cái phụ thuộc đi cùng, quý vị chỉ phải trả lệ phí xét 1 hồ sơ			

<p>TT Services Visa Facilitation Fee, which can be found here : <a href="#">Local Fee finder</a>          Phí dịch vụ cho công ty Dịch Vụ thị thực TT, vui lòng tham khảo : <a href="#">Local Fee finder</a></p>			
<b>PERSONAL DOCUMENTS GIẤY TỜ CÁ NHÂN</b>			
Your current Passport (original) Bản gốc hộ chiếu còn hạn			
2 recent passport sized photos of passport quality Hai tấm ảnh hộ chiếu mới nhất			
<p>If you are including your partner or dependent child in your application, please submit evidence of your relationship to them, such as your household book, your marriage certificate, your child's birth certificate.          Nếu vợ/chồng hoặc con đi cùng, vui lòng nộp bằng chứng chứng minh mối quan hệ của họ với quý vị ví dụ như hộ khẩu, giấy đăng ký kết hôn, khai sinh của con.</p> <p>If your dependent child is included in your application but the child's other parent is not travelling with you, please provide a travel consent letter for the child to travel, from the non-accompanying parent, verified by the local authorities.          Nếu quý vị kèm theo con nhỏ trong hồ sơ của mình nhưng người cha/mẹ còn lại của đứa trẻ không đi cùng, vui lòng nộp thư xác nhận của vị phụ huynh kia đồng ý cho con đi cùng quý vị sang New Zealand. Thư này phải được chứng nhận bởi chính quyền địa phương.</p> <p>Your all-page household book (<i>Vietnamese nationals only</i>)          Sổ hộ khẩu (<i>Chỉ dành cho công dân Việt Nam</i>)          Vietnamese identity card (<i>Vietnamese nationals only</i>)          CMND (<i>Chỉ dành cho công dân Việt Nam</i>)          Curriculum Vitae authorized by your local authority.          Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương  <a href="#">Family supplementary questionnaire</a>  <a href="#">Tờ khai gia đình</a></p>			
<b>FINANCIAL DOCUMENTS CHỨNG MINH TÀI CHÍNH</b>			
<p>Evidence of your ability to fund your stay in New Zealand, and your outward travel from New Zealand. As a guide, this should be approximately USD 750 (NZD 1000) per month.</p> <p>Evidence of sufficient funds could be:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A completed <a href="#">Sponsorship Form for Temporary Entry (INZ 1025)</a>; or</li> <li>• Bank deposit books showing a saving history (<u>Note</u>: any newly opened account or recent large deposit must be explained, with supporting evidence as to where the money has come from)</li> <li>• Bank statements, payslips</li> <li>• Credit card statements and limits</li> <li>• Other accessible and readily available funds that belong to you</li> </ul> <p>Bằng chứng chứng minh quý vị có đủ khả năng tài chính để trang trải trong thời gian ở New Zealand. Số tiền này</p>			

<p>trung bình khoảng 750 đô la Mỹ (1,000 đô la New Zealand) mỗi tháng – thông tin trên chỉ có tính chất tham khảo.</p> <p>Bảng chứng tài chính có thể bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đơn bảo lãnh tài chính <a href="#">Sponsorship Form for Temporary Entry (INZ 1025)</a>; hoặc</li> <li>• Sổ tiết kiệm thể hiện quá trình gửi tiết kiệm (<u>Lưu ý:</u> Phải giải thích về tài khoản hoặc số tiền lớn mới gửi ngân hàng gần đây bằng cách chứng minh xuất xứ của số tiền)</li> <li>• Bảo sao kê tài khoản, giấy nhận lương</li> <li>• Sao kê thẻ tín dụng và hạn mức tín dụng</li> <li>• Bảng chứng về các khoản tài chính khác quý vị hiện đang có.</li> </ul>			
<b>EMPLOYMENT DOCUMENTS CÔNG ẮN VIỆC LÀM</b>			
<p>If you are employed, a letter from your employer stating:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Your position and salary</li> <li>• The length of your employment</li> <li>• Your leave approval</li> <li>• Name and contact details of your employer</li> </ul> <p>Vui lòng nộp thư xác nhận của cơ quan, liệt kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chức vụ và lương bổng</li> <li>• Thời gian làm việc</li> <li>• Thư đồng ý cho nghỉ phép</li> <li>• Tên và thông tin liên lạc của cơ quan/chủ lao động</li> </ul>			
<p>If you own your own company, we require the following:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Business licence</li> <li>• Recent business tax payments</li> <li>• Recent bank documents showing daily business transactions</li> </ul> <p>Nếu quý vị có công ty riêng, vui lòng nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giấy đăng ký kinh doanh</li> <li>• Biên lai thuế thu nhập của những tháng gần nhất</li> <li>• Những giấy tờ giao dịch với ngân hàng, hiển thị những hoạt động kinh doanh trong những tháng gần đây</li> </ul>			
<p>If you are retired, provide evidence of retirement if any (e.g. retirement certificate or pension receipt book). Nếu quý vị đã nghỉ hưu, vui lòng nộp giấy nghỉ hưu hoặc sổ nhận lương hưu nếu có.</p>			
<b>EVIDENCE OF RELATIONSHIP BẰNG CHỨNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐƯƠNG ĐƠN VÀ NGƯỜI Ở NZ</b>			
<p>If you are visiting a partner, relative or friend in New Zealand, please provide:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A certified copy of their passport</li> <li>• Letter of invitation from the person you intend to visit</li> <li>• Evidence of your relationship to the relative (birth certificate, marriage certificate, etc.)</li> <li>• Evidence of your relationship to your partner/</li> </ul>			

<p>boyfriend/girlfriend: account of the relationship and other evidence such as marriage certificate, correspondences, phone call lists, photos, etc.</p> <p>Trong trường hợp quý vị thăm viếng bạn đời, người thân hoặc bạn bè tại New Zealand, vui lòng nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bản sao hộ chiếu (có công chứng) của người ở NZ</li> <li>• Thư mời của người ở NZ</li> <li>• Bằng chứng về mối quan hệ của quý vị với người thân (khai sinh, giấy kết hôn, v.v...)</li> <li>• Bằng chứng về mối quan hệ với bạn đời/ bạn trai/bạn gái, hôn phu/thê: bản tường trình mối quan hệ và những bằng chứng khác như giấy đăng ký kết hôn, thư từ điện thoại liên lạc, hình ảnh, v.v...</li> </ul>			
<b>COMMITMENTS IN VIETNAM RÀNG BUỘC TẠI VN</b>			
<p>Evidence of your commitments showing your strong reasons to return to Vietnam at the end of your stay in New Zealand.</p> <p>They could include (but are not limited to) evidence that you personally</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Have social and/or family responsibilities in Vietnam;</li> <li>• Are employed in Vietnam;</li> <li>• Own a business in Vietnam;</li> <li>• Have funds in Vietnam;</li> <li>• Own property or assets in Vietnam.</li> </ul> <p>Bằng chứng cho thấy quý vị có ràng buộc vững chắc để trở về Việt Nam khi hết hạn thị thực ở New Zealand.</p> <p>Các bằng chứng này có thể là (nhưng không giới hạn) cá nhân quý vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có trách nhiệm về mặt xã hội và / hoặc gia đình tại Việt Nam.</li> <li>• Có công ăn việc làm tại Việt Nam.</li> <li>• Có cơ sở kinh doanh tại Việt Nam.</li> <li>• Có tài chính tại Việt Nam.</li> <li>• Sở hữu nhà cửa, đất đai hoặc các tài sản có giá trị lớn tại Việt Nam</li> </ul>			
<b>CHARACTER REQUIREMENTS LÝ LỊCH TƯ PHÁP</b>			
<p>Applicants aged 17 or over intending to remain in New Zealand for <b>24 months or longer</b> are required to provide a police certificate from the applicant's home country and any country in which they have lived for 5 or more years since attaining the age of 17 years. Note that the 24 month period includes time already spent in New Zealand prior to the application made.</p> <p>Tất cả những đương đơn trên 17 tuổi và dự định ở New Zealand trên 24 tháng phải nộp Lý lịch Tư pháp được cấp bởi quốc gia mà quý vị mang quốc tịch, và Lý lịch Tư pháp bởi quốc gia mà quý vị đã ở trong thời gian 5 năm trở lên kể từ khi quý vị 17 tuổi. Khoảng thời gian 24 tháng nói trên bao gồm cả thời gian quý vị đã ở New Zealand trước khi nộp hồ sơ hiện tại.</p> <p><i>Please note that a police certificate is NOT required if</i></p>			

<p><i>you have provided a police certificate to INZ within the 24 months preceding this application OR your total intended stay in New Zealand (including time already spent) is less than 24 months.</i></p> <p><i>Quý vị không cần nộp Lý lịch Tư pháp nếu quý vị đã nộp Lý lịch này cho chúng tôi trong vòng 24 tháng trước tính từ ngày nộp hồ sơ hiện tại, hoặc tổng cộng thời gian quý vị dự định ở New Zealand (bao gồm cả thời gian quý vị đã ở trước đó) dưới 24 tháng.</i></p> <p>Certificate must be less than 6 months old when the application is submitted.  Lý lịch tư pháp không được cấp quá 6 tháng tại thời điểm nộp đơn.</p> <p>If you are Vietnamese living in Vietnam when you apply, please obtain the police certificate #2.  Nếu quý vị mang quốc tịch Việt Nam và hiện đang sống ở Việt Nam, vui lòng nộp Lý Lịch Tư Pháp số 2</p> <p>If you are residing outside Vietnam eg NZ, please obtain police certificate #1.  Nếu quý vị mang quốc tịch Việt Nam và hiện đang sống và làm việc ở nước ngoài, vui lòng nộp Lý Lịch Tư Pháp số 1</p> <p><i>Please note that a Vietnamese Police Certificate must be issued by the Service of Justice of the city or province where your permanent residence is registered.</i>  <i>Xin lưu ý rằng Lý lịch Tư Pháp Việt Nam phải được cấp bởi Sở Tư Pháp của tỉnh, thành phố mà quý vị đăng ký hộ khẩu thường trú.</i></p>		
<b>MEDICAL REQUIREMENTS SỨC KHỎE</b>		
<p><input type="checkbox"/> Tick the box if you have completed an eMedical.  Đánh dấu vào ô vuông nếu hồ sơ khám sức khỏe của quý vị đã được bác sỹ hoàn tất qua mạng.</p> <p>If you intend to be in New Zealand for <b>more than six months but less than one year</b>, you must provide a completed <a href="#">Chest X-ray Certificate (INZ 1096)</a>.  <i>Please note that a chest x-ray certificate is NOT required if:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>you have provided a Chest X –ray Certificate to INZ within the 36 months preceding this application, and</i></li> <li>• <i>you have not spent the previous six consecutive months in any country that is not a low-incidence country for tuberculosis (TB).</i></li> </ul> <p><i>List of low-incidence countries for TB can be found at <a href="http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm">http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm</a></i></p> <p>Nếu quý vị dự định ở New Zealand trên 6 tháng nhưng dưới 1 năm, quý vị phải chụp hình phổi (mẫu đơn <a href="#">Chest X-ray Certificate INZ 1096</a>)  <i>Quý vị không cần nộp đơn chụp hình phổi INZ 1096 nếu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Quý vị đã nộp đơn này cho chúng tôi trong vòng</i></li> </ul>		

<p>36 tháng trước, tính từ ngày nộp hồ sơ hiện tại, và</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước đó, quý vị không ở liên tục 6 tháng tại bất kỳ quốc gia nào không nằm trong danh sách có rủi ro thấp về lây nhiễm lao (TB).</li> </ul> <p>Xem danh sách những nước có rủi ro thấp về lây nhiễm lao  <a href="http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm">http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm</a></p> <p>If you intend to be in New Zealand for <b>more than one year</b>, you must provide:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• a completed <a href="#">General Medical Certificate (INZ 1007)</a> unless you have provided a Medical Certificate to INZ within the 36 months preceding your application, and</li> <li>• a completed <a href="#">Chest X-ray Certificate (INZ 1096)</a>.</li> </ul> <p>Please note that a chest x-ray certificate is NOT required if:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• you have provided a Chest X –ray Certificate to INZ within the 36 months preceding this application, and</li> <li>• you have not spent the previous six consecutive months in any country that is not a low-incidence country for tuberculosis (TB).</li> </ul> <p>List of low-incidence countries for TB can be found at  <a href="http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm">http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm</a></p> <p>Nếu quý vị dự định ở New Zealand trên 12 tháng, quý vị vui lòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khám sức khỏe tổng quát (mẫu đơn <a href="#">General Medical Certificate INZ 1007</a>) trừ khi quý vị đã nộp đơn này cho chúng tôi trong vòng 36 tháng trước khi nộp hồ sơ hiện tại.</li> <li>• Chụp hình phổi (mẫu đơn <a href="#">Chest X-ray Certificate INZ 1096</a>)</li> </ul> <p>Quý vị không cần nộp đơn chụp hình phổi INZ 1096 nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quý vị đã nộp đơn này cho chúng tôi trong vòng 36 tháng trước, tính từ ngày nộp hồ sơ hiện tại, và</li> <li>• Trước đó, quý vị không ở liên tục 6 tháng tại bất kỳ quốc gia nào không nằm trong danh sách có rủi ro thấp về lây nhiễm lao (TB).</li> </ul> <p>Xem danh sách những nước có rủi ro thấp về lây nhiễm lao  <a href="http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm">http://www.immigration.govt.nz/opsmanual/index.htm</a></p> <p>Certificates must be less than 3 months old when the application is submitted.  Tại thời điểm nộp đơn, hồ sơ khám sức khỏe không được cấp quá 3 tháng tính từ ngày có kết luận của bác sĩ.</p> <p>Note: All medical certificates must be completed by an INZ appointed panel doctor:  <a href="http://www.immigration.govt.nz/paneldoctors">www.immigration.govt.nz/paneldoctors</a>  Mẫu đơn khám sức khỏe phải được hoàn tất bởi bác sĩ tại những phòng khám do Sở Di Trú New Zealand chỉ định.</p>			
--	--	--	--

<a href="http://www.immigration.govt.nz/paneldoctors">www.immigration.govt.nz/paneldoctors</a>		
<p>If you are intending to do a short course of study in New Zealand you should provide:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Offer of place and receipt of payment either original or direct fax/email confirmation to Immigration New Zealand from the New Zealand educational provider</li> <li>• A guarantee of accommodation from either the educational provider, or evidence from people who prepare and are able to provide the accommodation.</li> </ul> <p>Nếu quý vị dự định đi học một khóa tiếng Anh ngắn hạn tại NZ, vui lòng nộp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thư chấp nhận học từ trường và bản gốc biên nhận học phí được gửi trực tiếp từ trường qua fax/email cho Cơ Quan Di Trú New Zealand.</li> <li>• Thư bảo đảm chỗ ở từ trường hoặc bằng chứng bảo đảm chỗ ở từ người cung cấp nơi ở cho quý vị.</li> </ul>		

Declaration by Applicant/ Đương đơn xác nhận:

I confirm that I have only supplied the documents listed above & I acknowledge that failure to submit all necessary documents may result in my application being refused or may result in a delay in the processing of my application, if further documents need to be requested by INZ.

Tôi xác nhận đã nộp những giấy tờ được liệt kê ở trên và hiểu rằng nếu không cung cấp những giấy tờ cần thiết, hồ sơ xin visa của tôi có thể bị từ chối hoặc thời gian xem xét đơn sẽ kéo dài do Sở Di Trú New Zealand phải yêu cầu thêm giấy tờ.

I have chosen to proceed with the application.

Tôi đồng ý nộp hồ sơ xin visa này.

Date/ Ngày:

Name of Applicant Tên của đương đơn	Passport No. Số hộ chiếu	Signature Chữ ký

Signature of the VAC staff:

Chữ ký của nhân viên tiếp nhận: